

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 10
TUẦN: 26 - 27/HK2 (Từ 7/03/2022 đến 20/03/2022)
GVTH: HỒ MỸ PHỤNG

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
CHỦ ĐỀ : ĐỊA LÍ DỊCH VỤ
(Bài 35 và Bài 36)

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

1. Sách giáo khoa Địa lí lớp 10 chương trình cơ bản:

*Nội dung 1. **VAI TRÒ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ NGÀNH DỊCH VỤ(Bài 35)*** Đọc SGK trang 135 đến trang 137.

*Nội dung 2. **VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI(Bài 36)*** Đọc SGK từ trang 138 đến trang 141.

2. Tập bản đồ Địa lí 10 của NXB Giáo dục: Sử dụng kết hợp các trang: 28 - 29

II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

Nội dung 1. VAI TRÒ, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ NGÀNH DỊCH VỤ.

I. Vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

1. đặc điểm:Cơ cấu phức tạp, gồm:

- Dịch vụ kinh doanh: vận tải, thông tin liên lạc, tài chính, bảo hiểm,...
- Dịch vụ tiêu dung: các loại hoạt động buôn bán, bán lẻ, du lịch,...
- Dịch vụ công: dịch vụ hành chính công, các hoạt động đoàn thể.

2.Vai trò: Phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống.

- Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển
- Tạo việc làm,sử dụng tốt lao động
- Thúc đẩy nhu cầu sinh hoạt của con người
- Khai thác hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa lịch sử, ...
- Nâng cao đời sống nhân dân.

II.Nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

Nhân tố	ảnh hưởng
-Trình độ phát triển kinh tế - Năng suất lao động xã hội	-Đầu tư, bổ sung lao động cho ngành dịch vụ
- Quy mô, cơ cấu dân số	- Nhịp độ phát triển và cơ cấu dịch vụ

-phân bố dân cư và mạng lưới quần cư	-Mạng lưới dịch vụ
- Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán	- Hình thức tổ chức và mạng lưới ngành dịch vụ
- Mức sống và thu nhập thực tế	- Sức mua và nhu cầu dịch vụ
- Tài nguyên thiên nhiên - -di sản văn hóa - Cơ sở hạ tầng du lịch	- Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ du lịch

_ Tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP của các nước có sự phân hóa rõ rệt:

Các nước phát triển có tỷ trọng dịch vụ rất cao, trên 70%

Các nước đang phát triển có tỷ trọng ngành dịch vụ còn thấp, dưới 50%

_ Trên TG, các TP cực lớn đồng thời là các trung tâm dịch vụ lớn, nhất là các dịch vụ có vai trò to lớn trong nền KT toàn cầu. Các trung tâm lớn nhất là Niu I-ooc, Luân Đôn, Tô-ki-ô...

Nội dung 2 VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN, PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

I. Vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

1. Vai trò

_ Tham gia vào cung ứng vật tư kỹ thuật, nguyên liệu năng lượng cho các cơ sở sản xuất và đưa sản phẩm đến nơi tiêu thụ

_ Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân

_ Giúp cho thực hiện mối liên hệ kinh tế xã hội giữa các vùng các quốc gia...

-Góp phần thúc đẩy kinh tế, văn hóa vùng sâu vùng xa, tăng cường sức mạnh quốc phòng, tạo giao lưu kinh tế văn hóa giữa các nước trên TG

2. Đặc điểm

_ Sản phẩm là sự chuyên chở người và hàng hóa

_ Các tiêu chí :

+Khối lượng vận chuyển: khối lượng hàng hóa vận chuyển và số người vận chuyển (đơn vị: tấn và người)

+Khối lượng luân chuyển: Khối lượng vận chuyển .quãng đường(tấn.km và người.km)

+Cự li vận chuyển trung bình (km)

II. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.

1. Điều kiện tự nhiên.

-Quy định sự có mặt và vai trò của của một số loại hình giao thông vận tải.

- Ảnh hưởng đến công tác thiết kế và khai thác công trình giao thông vận tải.
- Ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện và công trình giao thông vận tải.

2. Điều kiện kinh tế-xã hội.

- Sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế quốc dân có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.
- Quy định mật độ GTVT, sự hoạt động và phân bố các loại hình vận tải

Phân bố dân cư, các thành phố lớn và các chùm đô thị ảnh hưởng sâu sắc tới vận tải hành khách, nhất vận tải bằng ô tô.

III. BÀI TẬP

A. TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày đặc điểm phân bố tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP trên Thế giới ?

- Tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP rõ rệt:
 - + Các nước phát triển: tỉ trọng ngành dịch vụ trên%.
 - + Các nước đang phát triển: tỉ trọng ngành dịch vụ còn, dưới%.
 - + Trên thế giới, cácnhất là
-Các trung tâm lớn nhất là:

Câu 2. Cho bảng số liệu:

CÁC NƯỚC DẪN ĐẦU VỀ DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI, NĂM 2004

Nước	Khách du lịch đến (triệu lượt người)	Doanh thu (tỉ USD)	Thu nhập bình quân từ du lịch (USD/ người)
Pháp	75,1	40,8	
Tây Ban Nha	53,6	45,2	
Hoa Kỳ	46,1	74,5	
Trung Quốc	41,8	25,7	
Anh	27,7	27,3	
Mê-hi-cô	20,6	10,7	

a. Xác định dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng khách du lịch và doanh thu du lịch của các nước trên.

Biểu đồ thích hợp nhất:

b. Nhận xét hoạt động du lịch của các nước trên.

Nhìn chung,

Trong đó:

- Dẫn đầu thế giới về lượt khách du lịch đến:(.....triệu lượt), kế đến là:.....
- Dẫn đầu thế giới về doanh thu:.....(..... tỉ USD), kế đến là:.....
- Dẫn đầu thu bình quân từ du lịch:.....(..... USD/người), kế đến là:.....
- Những nước có trình độ phát triển du lịch cao là
- Những nước có trình độ phát triển du lịch chưa cao là

Câu 3. Hãy tính cự li vận chuyển trung bình về hàng hóa của một số loại phương tiện vận tải ở nước ta năm 2003? Qua Bảng số liệu em hãy nhận xét về khối lượng vận chuyển và luân chuyển của các loại hình giao thông vận tải đó

*Công thức:

Cự li vận chuyển trung bình =

Loại hình	Khối lượng hàng hóa vận chuyển (triệu tấn)	Khối lượng hàng hóa luân chuyển (triệu tấn.km)	Cự li vận chuyển trung bình (km)
Đường sắt	7,2	4311,5	
Đường bộ	821,7	48189,8	
Đường sông	190,6	40099,9	
Đường biển	58,9	130015,5	
Đường hàng không	0,2	534,4	
Tổng số	1078,6	223151,1	

Nhận xét

.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
Câu 4: Kể tên một số phương tiện giao thông đặc trưng ở vùng hoang mạc, vùng băng giá, các đảo quốc

- Vùng băng giá gần cực bắc:

.....

- Ở vùng hoang mạc:

.....

- Ở các đảo quốc:

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

- A. Dịch vụ công.
- B. Dịch vụ tiêu dùng.
- C. Dịch vụ kinh doanh .
- D. Dịch vụ cá nhân.

Câu 2. Dịch vụ tiêu dùng bao gồm:

- A. Giao thông vận tải, thông tin liên lạc.
- B. Các dịch vụ hành chính công.
- C. Tài chính, bảo hiểm.
- D. Bán buôn, bán lẻ, du lịch, y tế, giáo dục, thể thao.

Câu 3. Nhân tố ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu dịch vụ là

- A. Quy mô, cơ cấu dân số.
- B. Mức sống và thu nhập thực tế.
- C. Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.
- D. Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán.

Câu 4. Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động xã hội ảnh hưởng đến

- A. Sự phân bố các mạng lưới dịch vụ.
- B. Nhịp điệu phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.
- C. Đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ.
- D. Sức mua và nhu cầu dịch vụ.

Câu 5. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ?

- A. Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán.
- B. Di tích lịch văn hoá.
- C. Quy mô , cơ cấu dân số.
- D. Mức sống và thu nhập của người dân.

Câu 6. Các ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng

- A. Cao trong cơ cấu GDP của tất cả các nước trên thế giới.
- B. Cao nhất trong cơ cấu GDP của các nước phát triển.
- C. Thấp nhất trong cơ cấu GDP của các nước đang phát triển.
- D. Cao nhất trong cơ cấu GDP của các nước đang phát triển.

Câu 7. Nhân tố nào dưới đây là nhân tố quyết định sự phát triển của du lịch Việt Nam?

- A. Lực lượng lao động dồi dào.
- B. Nhu cầu du lịch lớn.
- C. Di sản văn hoá, lịch sử và tài nguyên thiên nhiên.

D. Cơ sở hạ tầng du lịch.

Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á NĂM 2014**

(Đơn vị: tỉ USD)

Quốc gia	Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ
Ấn Độ	475
Trung Quốc	2342
Hàn Quốc	714
Nhật Bản	815

Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi 12, 13.

Câu 8. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ năm 2014 của một số quốc gia là

- A. Biểu đồ tròn.
- B. Biểu đồ cột.
- C. Biểu đồ đường
- D. Biểu đồ miền.

Câu 9. Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Trung Quốc có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ gấp 3,5 lần của Hàn Quốc.
- B. Nhật Bản có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ lớn thứ 2 trong bốn nước.
- C. Ấn Độ có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ chỉ bằng 1/4 của Trung Quốc.
- D. Trung Quốc có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ không đáng kể

Cho bảng số liệu: **SỐ LƯỢNG KHÁCH DU LỊCH ĐẾN VÀ DOANH THU DU LỊCH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2014**

Nước	Khách du lịch đến (triệu lượt)	Doanh thu (tỉ USD)
Pháp	83,8	66,8
Tây Ban Nha	65,0	65,1
Hoa Kỳ	75,0	220,8
Trung Quốc	55,6	56,9
Anh	32,6	62,8
Mê - hi - cô	29,3	16,6

(Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi từ 14 đến 17.)

Câu 10. Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện số lượng khách du lịch đến và doanh thu du lịch của các nước trên?

- A. Biểu đồ kết hợp cột và đường.
- B. Biểu đồ miền.
- A. Biểu đồ cột ghép.
- C. Biểu đồ tròn.

Câu 11. Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu?

- A. Pháp là nước có số lượng khách du lịch đến nhiều nhất, gấp 2,5 lần Mê - hi - cô.

- B. Trung Quốc là nước có ngành du lịch đứng hàng đầu.
- C. Anh là nước có doanh thu du lịch trên lượt khách rất cao.
- D. D.Tây Ban Nha có số lượng khách du lịch đến nhiều thứ 2 trong sáu nước.

Câu 12. Hoa Kỳ có doanh thu du lịch trên lượt khách là:

- A. 2744 USD / lượt khách.
- B. 2820 USD / lượt khách.
- C. 2900 USD / lượt khách.
- D. 2944 USD / lượt khách.

Câu 13. Cho số dân năm 2014 của Pháp là 64,1 triệu người, thì trung bình mỗi người dân Pháp đón bao nhiêu lượt khách du lịch trong năm?

- A. 1,5 lượt khách.
- B. 1,3 lượt khách.
- C. 1,8 lượt khách.
- D. 2,0 lượt khách.

Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA NĂM 2014

Loại hình	Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu tấn)	Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu tấn.km)
<i>Đường sắt</i>	7,2	4311,5
<i>Đường bộ</i>	821,7	48189,8
<i>Đường sông</i>	190,6	40099,9
<i>Đường biển</i>	58,9	130015,5
<i>Đường hàng không</i>	0,2	534,4
Tổng số	1078,6	223151,1

(Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi từ 13 đến 16.)

Câu 14. Ngành giao thông vận tải có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất là

- A. Đường bộ.
- B. Đường sắt.
- C. Đường sông.
- D. Đường biển.

Câu 15. Ngành giao thông vận tải có khối lượng hàng hoá luân chuyển lớn nhất là

- A. Đường bộ.
- B. Đường sắt.
- C. Đường sông.
- D. Đường biển.

Câu 16. Ngành giao thông vận tải có cự li vận chuyển lớn nhất là

- A. Đường bộ.
- B. Đường hàng không.
- C. Đường sông.
- D. Đường biển.

Câu 17. Đường hàng không có khối lượng hàng hoá luân chuyển nhỏ nhất vì

- A. Cự li vận chuyển nhỏ nhất.

- B. Khối lượng vận chuyển rất nhỏ.
- C. Sự phát triển còn hạn chế.
- D. Xuất nhập khẩu hàng hoá qua hàng không chưa phát triển.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

HS cần xem kỹ lý thuyết SGK trước khi tham khảo phần lý thuyết tóm lược và làm bài tập.

V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

A. TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày đặc điểm phân bố tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP trên Thế giới ?

- Tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP phân hóa rõ rệt:

- + Các nước phát triển: tỉ trọng ngành dịch vụ rất cao trên 70%.
- + Các nước đang phát triển: tỉ trọng ngành dịch vụ còn thấp, dưới 50 %.
- + Trên thế giới, các thành phố cực lớn đồng thời là các trung tâm dịch vụ lớn, nhất là

các dịch vụ có vai trò lớn trong nền kinh tế toàn cầu

Các trung tâm lớn nhất là: Niu Iooc, Luân Đôn, Tôkiô

Câu 2. CÁC NƯỚC DẪN ĐẦU VỀ DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI, NĂM 2004

Nước	Khách du lịch đến (triệu lượt người)	Doanh thu (tỉ USD)	Thu nhập bình quân từ du lịch (USD/ người)
Pháp	75,1	40,8	543,2
Tây Ban Nha	53,6	45,2	307,5
Hoa Kỳ	46,1	74,5	1616
Trung Quốc	41,8	25,7	614,8
Anh	27,7	27,3	985,5
Mê-hi-cô	20,6	10,7	519,4

- Biểu đồ thích hợp nhất: biểu đồ cột

Nhận xét :

Nhìn chung khách du lịch và doanh thu du lịch có sự khác nhau giữa các quốc gia

- Dẫn đầu thế giới về lượt khách du lịch đến: Pháp (75,1 triệu lượt), kế đến là Tây Ban Nha, Hoa Kỳ , Trung Quốc, Mê-hi-cô
- Dẫn đầu thế giới về doanh thu: Hoa Kỳ (74,5 tỉ USD), kế đến là Tây Ban Nha , Pháp, Anh, Trung Quốc, Mê-hi-cô
- Dẫn đầu thu bình quân từ du lịch: Hoa Kỳ (1616 USD/người), kế đến là Anh(985,5 USD/người)

- Những nước có trình độ phát triển du lịch cao là Hoa Kỳ

Câu 3. Hãy tính cự li vận chuyển trung bình về hàng hóa của một số loại phương tiện vận tải ở nước ta năm 2003? Qua Bảng số liệu em hãy nhận xét về khối lượng vận chuyển và luân chuyển của các loại hình giao thông vận tải đó

***Công thức**

$$\text{Cự li vận chuyển trung bình (km)} = \frac{\text{Khối lượng hàng hóa luân chuyển}}{\text{Khối lượng hàng hóa vận chuyển}}$$

Loại hình	Khối lượng hàng hóa vận chuyển (triệu tấn)	Khối lượng hàng hóa luân chuyển (triệu tấn.km)	Cự li vận chuyển trung bình (km)
Đường sắt	7,2	4311,5	598,8
Đường bộ	821,7	48189,8	58,6
Đường sông	190,6	40099,9	210,3
Đường biển	58,9	130015,5	2207,3
Đường hàng không	0,2	534,4	2672
Tổng số	1078,6	223151,1	

Nhận xét

Cự li vận chuyển trung bình có sự khác nhau giữa các loại hình

- Cao nhất là ngành vận tải đường hàng không (2672km) , thứ 2 là ngành vận tải đường biển
- Thấp nhất là ngành vận tải đường bộ(58,6 km)

Câu 4: Kể tên một số phương tiện giao thông đặc trưng ở vùng hoang mạc, vùng băng giá, các đảo quốc

- Vùng băng giá gần cực bắc: xe quệt, trục thăng, tàu phá băng tuyết,...
- Ở vùng hoang mạc: lạc đà, xe ô tô,...
- Ở các đảo quốc: các phương tiện hàng hải,...

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

- A.Dịch vụ công.
- B.Dịch vụ tiêu dùng.
- C.Dịch vụ kinh doanh .
- D.Dịch vụ cá nhân.

Câu 2. Dịch vụ tiêu dùng bao gồm:

- A.Giao thông vận tải, thông tin liên lạc.

B. Các dịch vụ hành chính công.

C. Tài chính, bảo hiểm.

D. Bán buôn, bán lẻ, du lịch, y tế, giáo dục, thể thao.

Câu 3. Nhân tố ảnh hưởng tới sức mua, nhu cầu dịch vụ là

A. Quy mô, cơ cấu dân số.

B. Mức sống và thu nhập thực tế.

C. Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.

D. Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán.

Câu 4. Trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động xã hội ảnh hưởng đến

A. Sự phân bố các mạng lưới dịch vụ.

B. Nhịp điệu phát triển và cơ cấu ngành dịch vụ.

C. Đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ.

D. Sức mua và nhu cầu dịch vụ.

Câu 5. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng đến hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ?

A. Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán.

B. Di tích lịch văn hoá.

C. Quy mô, cơ cấu dân số.

D. Mức sống và thu nhập của người dân.

Câu 6. Các ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng

A. Cao trong cơ cấu GDP của tất cả các nước trên thế giới.

B. Cao nhất trong cơ cấu GDP của các nước phát triển.

C. Thấp nhất trong cơ cấu GDP của các nước đang phát triển.

D. Cao nhất trong cơ cấu GDP của các nước đang phát triển.

Câu 7. Nhân tố nào dưới đây là nhân tố quyết định sự phát triển của du lịch Việt Nam?

A. Lực lượng lao động dồi dào.

B. Nhu cầu du lịch lớn.

C. Di sản văn hoá, lịch sử và tài nguyên thiên nhiên.

D. Cơ sở hạ tầng du lịch.

Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU Á NĂM 2014**

(Đơn vị: tỉ USD)

Quốc gia	Giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ
Ấn Độ	475
Trung Quốc	2342
Hàn Quốc	714
Nhật Bản	815

Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi 12, 13.

Câu 8. Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ năm 2014 của một số quốc gia là

A. Biểu đồ tròn.

B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ đường

D. Biểu đồ miền.

Câu 9. Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. Trung Quốc có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ gấp 3,5 lần của Hàn Quốc.

B. Nhật Bản có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ lớn thứ 2 trong bốn nước.

C.Ấn Độ có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ chỉ bằng 1/4 của Trung Quốc.

D.Trung Quốc có giá trị xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ không đáng kể

Cho bảng số liệu: SỐ LƯỢNG KHÁCH DU LỊCH ĐẾN VÀ DOANH THU DU LỊCH CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2014

Nước	Khách du lịch đến (triệu lượt)	Doanh thu (tỉ USD)
Pháp	83,8	66,8
Tây Ban Nha	65,0	65,1
Hoa Kỳ	75,0	220,8
Trung Quốc	55,6	56,9
Anh	32,6	62,8
Mê - hi - cô	29,3	16,6

(Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi từ 14 đến 17.)

Câu 10. Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện số lượng khách du lịch đến và doanh thu du lịch của các nước trên?

A.Biểu đồ kết hợp cột và đường.

B.Biểu đồ miền.

C.Biểu đồ cột ghép.

D.Biểu đồ tròn.

Câu 11. Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu?

A.Pháp là nước có số lượng khách du lịch đến nhiều nhất, gấp 2,5 lần Mê - hi - cô.

B.Trung Quốc là nước có ngành du lịch đứng hàng đầu.

C.Anh là nước có doanh thu du lịch trên lượt khách rất cao.

D.Tây Ban Nha có số lượng khách du lịch đến nhiều thứ 2 trong sáu nước.

Câu 12. Hoa Kỳ có doanh thu du lịch trên lượt khách là:

A.2744 USD / lượt khách.

B.2820 USD / lượt khách.

C.2900 USD / lượt khách.

D.2944 USD / lượt khách.

Câu 13. Cho số dân năm 2014 của Pháp là 64,1 triệu người, thì trung bình mỗi người dân Pháp đón bao nhiêu lượt khách du lịch trong năm?

A.1,5 lượt khách.

B.1,3 lượt khách.

C.1,8 lượt khách.

D.2,0 lượt khách.

Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA NĂM 2014

Loại hình	Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu tấn)	Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu tấn.km)
Đường sắt	7,2	4311,5

Đường bộ	821,7	48189,8
Đường sông	190,6	40099,9
Đường biển	58,9	130015,5
Đường hàng không	0,2	534,4
Tổng số	1078,6	223151,1

(Dựa vào bảng số liệu trên, trả lời các câu hỏi từ 13 đến 16.)

Câu 14. Ngành giao thông vận tải có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất là

- A. Đường bộ.
- B. Đường sắt.
- C. Đường sông.
- D. Đường biển.

Câu 15. Ngành giao thông vận tải có khối lượng hàng hoá luân chuyển lớn nhất là

- A. Đường bộ.
- B. Đường sắt.
- C. Đường sông.
- D. Đường biển.

Câu 16. Ngành giao thông vận tải có cự li vận chuyển lớn nhất là

- A. Đường bộ.
- B. Đường hàng không.
- C. Đường sông.
- D. Đường biển.

Câu 17. Đường hàng không có khối lượng hàng hoá luân chuyển nhỏ nhất vì

- A. Cự li vận chuyển nhỏ nhất.
- B. Khối lượng vận chuyển rất nhỏ.
- C. Sự phát triển còn hạn chế.
- D. Xuất nhập khẩu hàng hoá qua hàng không chưa phát triển.

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.